

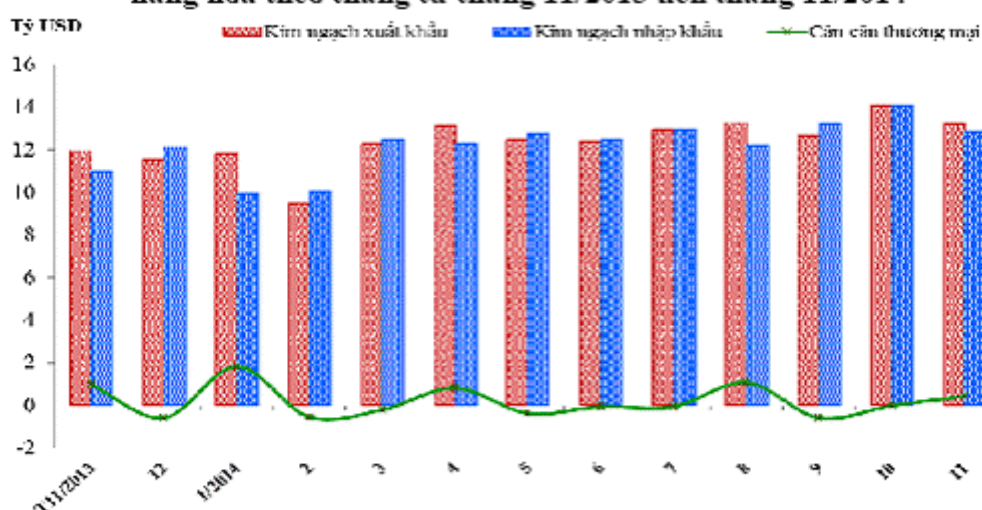
# Sơ bộ tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 11 và 11 tháng năm 2014

## I. Đánh giá chung

Số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan cho thấy tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong tháng 11/2014 là hơn 26,02 tỷ USD, giảm 7,5%, tương ứng giảm gần 2,12 tỷ USD so với tháng 10/2014. Trong đó, xuất khẩu đạt hơn 13,23 tỷ USD, giảm 6,0%, tương ứng giảm 0,84 tỷ USD so với tháng 10/2014 và nhập khẩu đạt hơn 12,79 tỷ USD, giảm 9,1%, tương ứng giảm 1,28 tỷ USD. Do vậy, cán cân thương mại hàng hóa trong tháng 11/2014 thặng dư 0,44 tỷ USD.

Tính từ đầu năm đến hết tháng 11/2014, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước đạt hơn 271 tỷ USD, tăng 12,7%, tương ứng tăng hơn 30,59 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2013; trong đó xuất khẩu đạt kim ngạch hơn 136,94 tỷ USD, tăng 13,7%, tương ứng tăng hơn 16,45 tỷ USD; và nhập khẩu đạt hơn 134,06 tỷ USD, tăng 11,8%, tương ứng tăng hơn 14,14 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa 11 tháng năm 2014 đạt mức thặng dư hơn 2,88 tỷ USD.

**Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại hàng hóa theo tháng từ tháng 11/2013 đến tháng 11/2014**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của khối các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong tháng 11/2014 đạt hơn 16,55 tỷ USD, giảm 4,5%, tương ứng giảm 787 triệu USD so với tháng trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của khối này đạt gần 8,93 tỷ USD, giảm 1,9%, tương ứng giảm 175 triệu USD so với tháng trước; kim ngạch nhập khẩu đạt hơn 7,62 tỷ USD, giảm 7,4%, tương ứng giảm 612 triệu USD so với tháng trước.

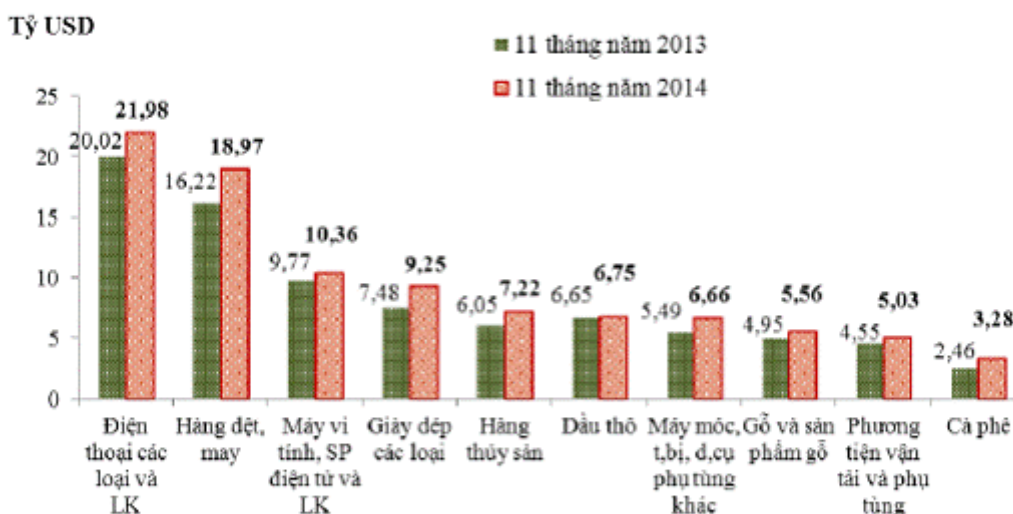
Tính đến hết tháng 11/2014 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của khối doanh nghiệp FDI đạt gần 161,93 tỷ USD, tăng 13,8%, tương ứng tăng gần 19,59 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2013; trong đó xuất khẩu là hơn 85,71 tỷ USD, tăng 15,6%, tương ứng tăng hơn

11,54 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước; nhập khẩu là gần 76,22 tỷ USD, tăng 11,8%, tương ứng tăng gần 8,05 tỷ USD.

Khối các doanh nghiệp có vốn hoàn toàn trong nước có tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa trong tháng 11/2014 đạt hơn 9,47 tỷ USD, giảm 12,3%, tương ứng giảm 1,33 tỷ USD so với tháng 10/2014; tính đến hết 11 tháng/2014 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của khối này đạt hơn 109,07 tỷ USD, tăng 11,2% , tương ứng tăng hơn 11 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2013.

## II. Diễn biến một số nhóm hàng xuất khẩu chính

**Biểu đồ 2: Kim ngạch xuất khẩu 10 nhóm hàng lớn nhất đến 11 tháng năm 2014 so với cùng kỳ năm 2013**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

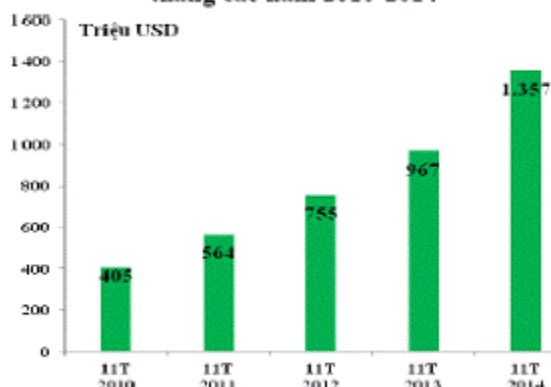
**Hàng thủy sản:** xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng đạt 676 triệu USD, giảm 18,4% so với tháng trước, qua đó nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng lên 7,22 tỷ USD, tăng 19,3% (tương ứng tăng 1,17 tỷ USD về số tuyệt đối) so với cùng kỳ năm trước. Đây là tốc độ tăng cao nhất so với cùng kỳ trong vòng 3 năm trở lại đây (11 tháng/2012 tăng 1,4% và 11 tháng/2013 tăng 8%).

Các thị trường chính của thủy sản Việt Nam trong 11 tháng qua đã có tốc độ tăng khá cao, trong đó, sang Hoa Kỳ đạt 1,57 tỷ USD, tăng 18,8%; sang EU đạt 1,29 tỷ USD, tăng 23,7%; sang Hàn Quốc đạt 599 triệu USD, tăng 34,6%. Riêng thị trường Nhật Bản đạt 1,1 tỷ USD, có mức tăng thấp hơn là 9%.

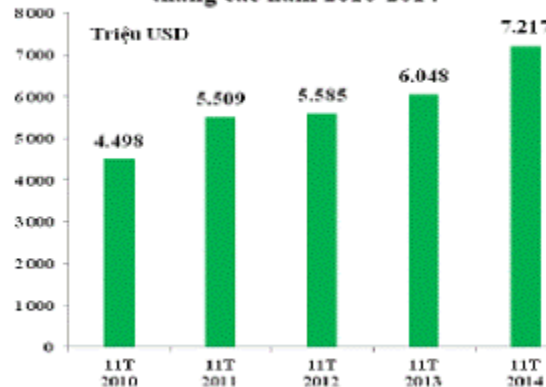
**Hàng rau quả:** hàng rau quả của Việt Nam xuất khẩu trong tháng 11 đạt 108 triệu USD, tăng 4,2% so với tháng trước. Nâng tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng qua lên 1,36 tỷ USD, tăng 40,3% (tương ứng tăng 390 triệu USD).

Hàng rau quả của Việt Nam xuất chủ yếu sang Trung Quốc với 359 triệu USD, tăng 34,1% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 37% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước.

**Biểu đồ 3: Kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả 11 tháng các năm 2010-2014**



**Biểu đồ 4: Kim ngạch xuất khẩu hàng thủy sản 11 tháng các năm 2010-2014**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Cà phê:** lượng cà phê xuất khẩu trong tháng 11/2014 là 84 nghìn tấn, trị giá đạt 192 triệu USD, giảm 12,3% về lượng và giảm 9,4% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11 năm 2014, lượng cà phê xuất khẩu của nước ta đạt 1,57 triệu tấn và trị giá đạt 3,28 tỷ USD, tăng 34,4% về lượng và tăng 33,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2013 (tương ứng tăng 819 triệu USD, trong đó phần trị giá tăng do lượng tăng là 847 triệu USD nhưng phần trị giá giảm do giá giảm là 28 triệu USD).

Các thị trường nhập khẩu cà phê chủ yếu của Việt Nam trong 11 tháng năm 2014 bao gồm: EU đạt 685 nghìn tấn, trị giá hơn 1,39 tỷ USD, tăng 38% về lượng và 38,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2013, chiếm 42,5% lượng cà phê xuất khẩu của cả nước; thị trường Hoa Kỳ đạt gần 154 nghìn tấn, trị giá 335 nghìn USD, tăng 22% về lượng và 23,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2013, chiếm 10,2% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cà phê của cả nước...

**Gạo:** trong tháng 11/2014 đạt kim ngạch xuất khẩu 473 nghìn tấn, trị giá 235 triệu USD, giảm 21,4% về lượng và 19,1% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2014, lượng xuất khẩu nhóm hàng này là 6,06 triệu tấn, giảm 2,3% và trị giá đạt 2,81 tỷ USD, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước.

Trung Quốc là đối tác lớn nhất nhập khẩu gạo của Việt Nam trong 11 tháng qua với 1,93 triệu tấn, giảm 5,3%. Bên cạnh đó, lượng gạo xuất sang Philippin trong 11 tháng/2014 tăng rất cao, gấp gần 4 lần so với 11 tháng/2013 và đạt 1,33 triệu tấn. Tính chung, lượng gạo xuất sang 2 thị trường này đạt 3,26 triệu tấn, chiếm 54% tổng lượng gạo xuất khẩu của cả nước.

**Cao su:** tháng 11/2014, lượng cao su xuất khẩu đạt 108 nghìn tấn, trị giá đạt 160 triệu USD, tăng giảm 26,4% về lượng và giảm 27,6% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11 năm 2014, lượng xuất khẩu mặt hàng này của cả nước đạt 948 nghìn tấn, giảm 0,2% và trị giá đạt 1,61 tỷ USD, giảm 27,5% so với cùng kỳ năm 2013 (tương ứng giảm 608 triệu USD, trong đó do giá giảm là 604 triệu USD và do lượng giảm là 4 triệu USD).

Trung Quốc vẫn là đối tác chính nhập khẩu cao su của Việt Nam trong 11 tháng qua với 415 nghìn tấn, giảm 5% và chiếm tới 44% lượng cao su xuất khẩu của cả nước; tiếp theo là Malaixia: 183 nghìn tấn, giảm 7,8% so với cùng kỳ năm 2013...

**Than đá:** xuất khẩu than đá của Việt Nam trong tháng là 384 nghìn tấn, giảm 25% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2014, lượng xuất khẩu than đá của cả nước là 6,67 triệu tấn, giảm 41,4% với trị giá là 502 triệu USD, giảm 38,4% so với cùng kỳ năm trước.

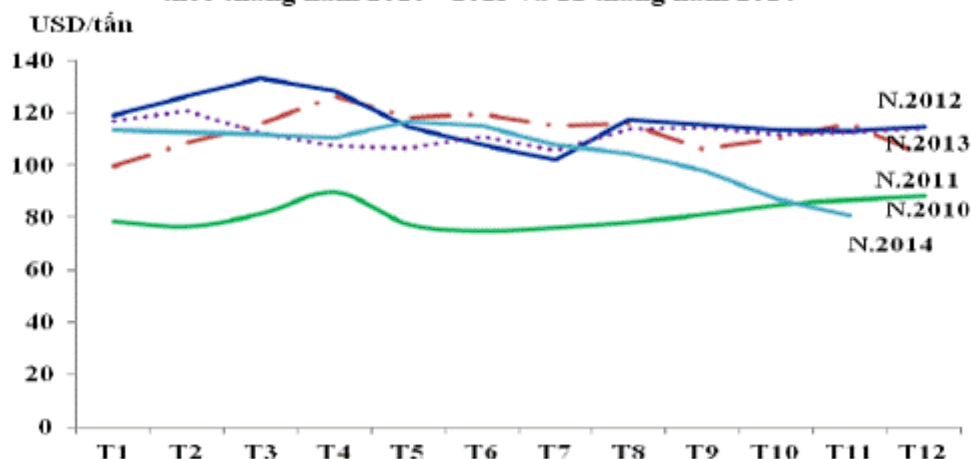
Trung Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhất nhập khẩu than đá của Việt Nam, chiếm 60% tổng lượng than đá xuất khẩu của cả nước. Tuy nhiên trong 11 tháng qua, xuất khẩu than đá sang thị trường này chỉ đạt 3,99 triệu tấn, giảm hơn %so với 11 tháng/2013.

**Xăng dầu các loại:** tính đến hết tháng 11/2014, lượng xuất khẩu nhóm hàng này là 918 nghìn tấn, giảm 24,3% so với cùng kỳ năm trước. Trị giá xuất khẩu xăng dầu các loại là 864 triệu USD, giảm 23,4% (tương ứng giảm 264 triệu USD). Campuchia là thị trường dẫn đầu về nhập khẩu nhóm hàng này với 476 nghìn tấn, giảm 25,5% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 52% tổng lượng xăng dầu xuất khẩu của cả nước.

**Dầu thô:** trong tháng lượng xuất khẩu là 702 nghìn tấn, giảm 8,9%, trị giá là 435 triệu USD, giảm 16,4% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2014, lượng dầu thô xuất khẩu của cả nước đạt 8,31 triệu tấn, tăng 7,4% và kim ngạch đạt 6,75 tỷ USD, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm trước.

Đơn giá bình quân xuất khẩu dầu thô tháng 11 là 619 USD/tấn (tương ứng khoảng 81 USD/thùng) giảm 8,2% so với tháng trước và đây là mức giá thấp nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Tính chung, 11 tháng/2014, đơn giá bình quân xuất khẩu dầu thô vẫn là 812 USD/tấn (tương ứng 106 USD/thùng), giảm 5,5% so với 11 tháng/2013

**Biểu đồ 5: Diễn biến đơn giá bình quân xuất khẩu dầu thô theo tháng năm 2010 - 2013 và 11 tháng năm 2014**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Hàng dệt may:** xuất khẩu trong tháng đạt 1,56 tỷ USD, giảm 20% so với tháng trước, qua đó nâng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2014 lên 18,97 tỷ USD, tăng 16,9% so với cùng kỳ năm 2013 (tương ứng tăng 2,74 tỷ USD).

Trong 11 tháng qua, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ đạt 8,86 tỷ USD, tăng 14,1%; sang EU đạt gần 3 tỷ USD, tăng 23%; sang Nhật Bản đạt 2,38 tỷ USD, tăng 9,4% và sang Hàn Quốc đạt 1,96 tỷ USD, tăng 30,2% so với cùng kỳ năm trước.

**Giày dép các loại:** kim ngạch xuất khẩu trong tháng đạt 955 triệu USD, tăng 10,6% so với tháng



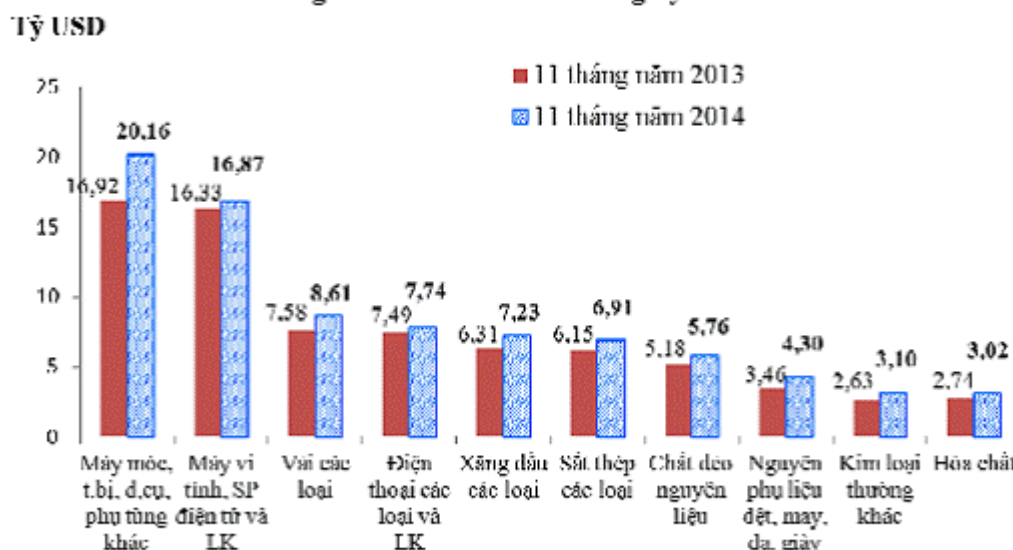
trước. Tính đến hết tháng 11/2014, xuất khẩu nhóm hàng giày dép đạt 9,25 tỷ USD, tăng 23,7% (tương ứng tăng 1,77 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, xuất khẩu sang thị trường EU đạt 3,24 tỷ USD, tăng 24,7%; Hoa Kỳ đạt 2,97 tỷ USD, tăng 26,3%; sang Nhật Bản đạt 471 triệu USD, tăng 35%; sang Trung Quốc đạt 469 triệu USD, tăng 43,8% so với cùng kỳ năm trước.

**Điện thoại các loại & linh kiện:** xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 11 đạt 2,51 tỷ USD, tăng 12,9% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2014, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này đạt 21,98 tỷ USD, tăng 9,8% (tương ứng tăng 1,97 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2013.

Những đối tác chính nhập khẩu điện thoại các loại & linh kiện của Việt Nam trong 11 tháng qua là EU với 7,96 tỷ USD, tăng 2,9% và chiếm 36% tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là: Tiểu Vương Quốc Ảrập thống nhất: 3,39 tỷ USD, tăng 4,4%; Hoa Kỳ: 1,39 tỷ USD, tăng gấp hơn 2 lần; Ấn Độ: 829 triệu USD, giảm 4,8%; Hồng Kông: 749 triệu USD, giảm 0,4%; Nga: 613 triệu USD, giảm 19,2% so với cùng kỳ năm 2013...

### III. Một số nhóm hàng nhập khẩu chính

**Biểu đồ 6: Kim ngạch nhập khẩu 10 nhóm hàng lớn nhất 11 tháng năm 2014 và so với cùng kỳ năm 2013**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng:** kim ngạch nhập khẩu trong tháng là hơn 2 tỷ USD, giảm 10,3% so với tháng trước. Tính từ đầu năm đến hết tháng 11/2014, trị giá nhập khẩu nhóm hàng này là 20,16 tỷ USD, tăng 19,1% so với 11 tháng/2013.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam trong 11 tháng qua với trị giá là 7,1 tỷ USD, tăng 19,4%; tiếp theo là các thị trường: Nhật Bản: 3,31 tỷ USD, tăng 22,6%; Hàn Quốc: 2,82 tỷ USD, tăng 8,8%; Đài Loan: 1,29 tỷ USD, tăng mạnh 55,2%...

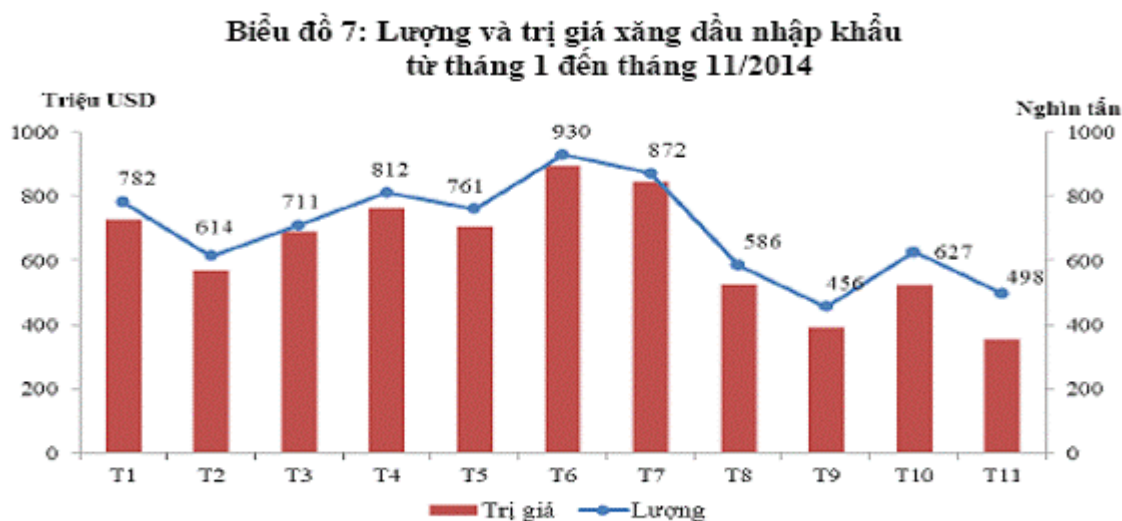
**Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện:** trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là gần 1,86 tỷ USD, giảm nhẹ 0,6% so với tháng trước, nâng tổng trị giá nhập khẩu trong 11 tháng/2014 lên 16,87 tỷ USD, tăng 3,3% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 11 tháng/2014, Hàn Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhất cung cấp nhóm hàng này

cho Việt Nam với trị giá nhập khẩu là 4,63 tỷ USD, giảm 2,2%; tiếp theo là các thị trường: Trung Quốc: 4,12 tỷ USD, tăng nhẹ 0,7%; Singapo: 2,17 tỷ USD, tăng 17,8%; Nhật Bản: 1,7 tỷ USD, tăng 2,2%... so với cùng kỳ năm 2013.

**Xăng dầu các loại:** lượng nhập khẩu trong tháng là gần 498 nghìn tấn, giảm 20,7% so với tháng 10/2014. Đơn giá nhập khẩu bình quân giảm mạnh 15,1% so với tháng trước và giảm 25% so với mức bình quân của 7 tháng đầu năm (trước thời điểm giá dầu thô trên thị trường thế giới giảm mạnh) nên trị giá nhập khẩu trong tháng là 353 triệu USD, giảm 32,7%. Tính đến hết 11 tháng/2014, cả nước nhập khẩu 7,88 triệu tấn với trị giá là 7,23 tỷ USD, tăng 17,9% về lượng và tăng 14,5% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Xăng dầu các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 11 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Singapo với 2,46 triệu tấn, tăng 28,6%; Trung Quốc: 1,54 triệu tấn, tăng 31,7%; Đài Loan: 1,16 triệu tấn, tăng nhẹ 1,3%; Thái Lan: 757 nghìn tấn, tăng mạnh 65%; Hàn Quốc: 553 nghìn tấn, tăng 6,7%... so với 11 tháng/2013.



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Khí đốt hóa lỏng:** lượng khí đốt hóa lỏng nhập khẩu trong tháng là 94 nghìn tấn, giảm 3,4%. Đơn giá nhập khẩu bình quân giảm 15,9% nên trị giá là gần 66 triệu USD, giảm 18,7%. Tính đến hết 11 tháng/2014, cả nước nhập khẩu 851 nghìn tấn với trị giá là 737 triệu USD, tăng 36,4% về lượng và tăng 31,2% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Việt Nam nhập khẩu khí đốt hóa lỏng trong 11 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Trung Quốc với 328 nghìn tấn, tăng 6,3%; Qatar: 127 nghìn tấn, giảm 26%; Tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất: 120 nghìn tấn, tăng mạnh 168%... so với 11 tháng/2013.

**Sắt thép các loại:** lượng nhập khẩu sắt thép các loại trong tháng 11/2014 là 1,02 triệu tấn, giảm 22,9% với trị giá là 660 triệu USD, giảm 20,8% so với tháng trước.

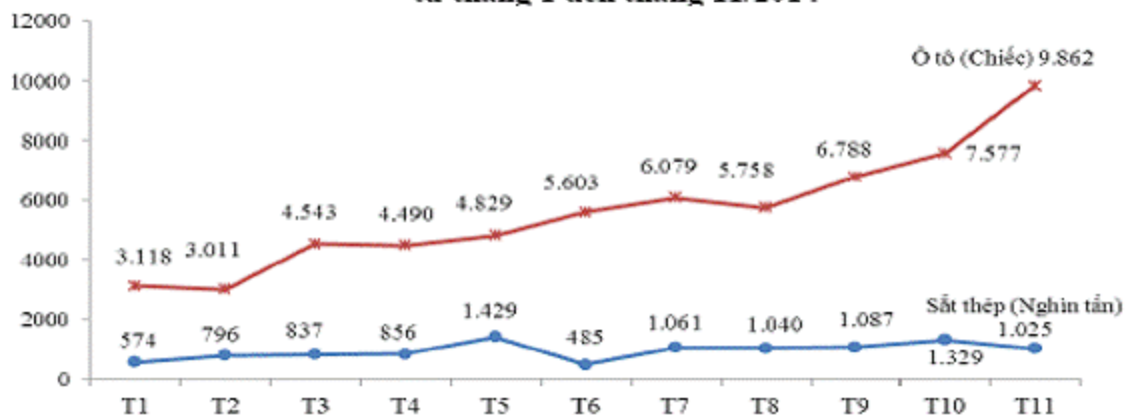
Tính đến hết tháng 11/2014, lượng sắt thép cả nước nhập về là 10,43 triệu tấn, trị giá là 6,91 tỷ USD, tăng 20% về lượng và tăng 12,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2013.

Sắt thép các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 11 tháng qua từ Trung Quốc là 5,37 triệu tấn, tăng mạnh 65,2% và chiếm 51,4% tổng lượng sắt thép cả nước nhập về; Nhật Bản: 2,06 triệu tấn, giảm 11,4%; Hàn Quốc: 1,31 triệu tấn, tăng nhẹ 1,7%; Đài Loan: 1,03 triệu tấn, tăng 21,2%... so

với 11 tháng/2013.

**Ô tô nguyên chiếc:** lượng nhập khẩu ô tô nguyên chiếc trong tháng 11/2014 tiếp tục tăng cao và đạt 9,86 nghìn chiếc, trị giá là hơn 200 triệu USD, tăng 30,2% về lượng và tăng 16,4% về trị giá so với tháng 10/2014.

**Biểu đồ 8: Lượng nhập khẩu ô tô nguyên chiếc và sắt thép các loại từ tháng 1 đến tháng 11/2014**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong 11 tháng/2014, cả nước nhập về gần 61,6 nghìn chiếc ô tô nguyên chiếc các loại với trị giá là 1,34 tỷ USD, tăng mạnh 95,5% về lượng và tăng mạnh 108,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2013.

Trong 11 tháng/2014, lượng xe 9 chỗ ngồi trở xuống nhập về Việt Nam là gần 27,5 nghìn chiếc, tăng 93,8%; ô tô tải là 24,1 nghìn chiếc, tăng 64% và ô tô loại khác là gần 10 nghìn chiếc, tăng mạnh 281% so với cùng kỳ năm 2013.

Hàn Quốc tiếp tục là thị trường chính cung cấp ô tô nguyên chiếc cho Việt Nam với 14,77 nghìn chiếc, tăng 12,8%. Tiếp theo là Thái Lan: gần 13 nghìn chiếc, tăng mạnh 78%; Trung Quốc: 11,63 nghìn chiếc, tăng mạnh 234%; Ấn Độ: 10,9 nghìn chiếc (cùng kỳ năm 2013 là 981 chiếc)...

**Phân bón các loại:** lượng phân bón nhập khẩu trong tháng là gần 236 nghìn tấn, trị giá là 81 triệu USD, giảm mạnh 41,1% về lượng và giảm 42,9% về trị giá so với tháng trước.

Tính đến hết 11 tháng/2014, tổng lượng phân bón các loại nhập khẩu vào Việt Nam lên đến gần 3,55 triệu tấn, giảm 16% so với cùng kỳ năm trước. Đơn giá nhập khẩu bình quân giảm tới 10,9% nên trị giá nhập khẩu là 1,16 tỷ USD, giảm 25,1% so với 11 tháng/2013.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp phân bón cho Việt Nam trong 11 tháng/2014 với 1,91 triệu tấn, giảm 16% và chiếm gần 54% tổng lượng phân bón cả nước nhập về; tiếp theo là Nga: 365 nghìn tấn, tăng 38,7%; Nhật Bản: 242 nghìn tấn, giảm 2,5%... so với cùng kỳ năm 2013.

**Vải các loại:** kim ngạch nhập khẩu trong tháng 11/2014 đạt kim ngạch 825 nghìn USD.

Tính đến hết 11 tháng năm 2014 kim ngạch nhập khẩu nhóm mặt hàng này đạt gần 8,61 tỷ USD, tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước.

Các thị trường cung cấp vải chủ yếu cho Việt Nam trong 11 tháng năm 2014 chủ yếu gồm: Trung Quốc đạt kim ngạch hơn 4,25 tỷ USD, tăng 21,3% so với cùng kỳ năm trước, và chiếm 49,4% trong tổng kim ngạch nhập khẩu vải các loại của Việt Nam; tiếp theo là thị trường Hàn Quốc đạt kim ngạch gần 1,66 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước, và chiếm 19,3% trong tổng kim ngạch nhập khẩu vải các loại của cả Việt Nam; đứng thứ 3 là thị trường Đài Loan đạt kim ngạch gần 1,28 tỷ USD, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm trước, và chiếm 14,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu vải các loại của Việt Nam.